

VẤN ĐỀ PHÂN ĐỊNH BIỂN TRONG LUẬT BIỂN QUỐC TẾ HIỆN ĐẠI

Nguyễn Bá Điển^(*)

Phân định biển và quá trình hoạch định đường ranh giới giữa hai hay nhiều quốc gia có các vùng biển tiếp giáp hoặc đối diện nhau cũng như việc xác định ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa (tiếp giáp với biển cả hoặc đáy biển - di sản chung của loài người) luôn là vấn đề trung tâm của Luật biển quốc tế hiện đại. Sau khi Công ước Luật biển năm 1982 được ban hành, vấn đề phân định biển càng trở nên bức thiết, bởi nó liên quan đến chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích kinh tế, an ninh, quốc phòng của các quốc gia cũng như quyền tự do biển cả của cộng đồng quốc tế.

1. Các nguyên tắc phân định biển

Phân định biển là một hành vi mang tính quốc tế, vì vậy cần có sự thừa nhận của cộng đồng quốc tế. Do đó, việc phân định phải được thực hiện dựa trên những nguyên tắc của pháp luật quốc tế. Theo quy định của Công ước Luật biển năm 1982 (các Điều 15, Điều 74, Điều 83) và tham khảo các phán quyết của Tòa án công lý quốc tế liên quan vấn đề phân định có thể thấy nổi lên hai nguyên tắc cơ bản về phân định biển là: Nguyên tắc thỏa thuận và Nguyên tắc công bằng.

1.1. Nguyên tắc thỏa thuận

Phân định biển là vấn đề rất phức tạp, liên quan đến việc xác định giới hạn

thụ đặc các vùng biển trên cơ sở pháp luật quốc tế của ít nhất là hai quốc gia. Vì vậy, các quốc gia có liên quan cần thông qua đàm phán, thương lượng để thoả thuận các phương pháp và tiêu chuẩn phân định. Công ước Luật biển 1982 khi quy định về phân định các vùng biển giữa các quốc gia có bờ biển đối diện hay tiếp giáp tại các Điều 15, 74, 83, đều đưa nguyên tắc thoả thuận lên hàng đầu.

Các phán quyết của Tòa án Công lý quốc tế ghi nhận nguyên tắc thoả thuận như "*Sự phân định này phải được mưu cầu và thực hiện qua một thoả thuận tiếp theo một cuộc đàm phán thiện chí với ý định thực tế đạt tới kết quả tích cực*" [7, tr.293-294], "*Các bên phải tiến hành đàm phán nhằm đi đến một thoả thuận chứ không phải đơn thuần tiến hành một cuộc đàm phán hình thức, [...]; các bên có nghĩa vụ xử sự sao cho đàm phán có ý nghĩa, đó không phải là trường hợp một khi một trong các bên khăng khăng giữ lập trường riêng của mình mà không trù liệu một sự điều chỉnh nào cả*" [6, tr.85]. Để đạt đến kết quả, các bên trong quá trình đàm phán có thể nêu lên các yếu tố và hoàn cảnh cụ thể để củng cố lập luận của mình. Tuy nhiên, cần phải dựa trên nguyên tắc công bằng, hợp lý, hợp tình và có chú ý đến tất cả mọi hoàn cảnh thích đáng, có tính đến tầm quan trọng của các lợi ích có liên quan đối với các bên tranh chấp và với cộng đồng quốc tế.

^(*) PGS. TS, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1.2. Nguyên tắc công bằng

Công ước Luật biển năm 1982 đã quy định thoả thuận giữa các quốc gia liên quan trong một vụ phân định biển phải đi đến một giải pháp công bằng (Điều 15, Điều 59, Điều 74 và Điều 83). Tuy nhiên, phương pháp phân định nào có thể cho giải pháp công bằng thì Công ước Luật biển 1982 lại không quy định rõ ràng.

Công ước Gionevơ năm 1958 về Thêm lục địa nêu ra phương thức đường cách đều đường trung tuyến như một phương thức đảm bảo tính công bằng trong phân định thêm lục địa (trừ trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt) [1, Điều 6].

Song, trong các phán quyết của Tòa án quốc tế (phán quyết vụ Thêm lục địa biển Bắc năm 1969, phán quyết vụ Pháp - Anh về phân định thêm lục địa biển Iroise năm 1977), Tòa đã thẳng thừng bác bỏ tính ưu tiên của đường cách đều trong phân định biển. Tòa án quốc tế cho rằng "áp dụng phương pháp phân định dựa vào tính cách đều không phải là bắt buộc giữa các bên" và đó chỉ là một phương pháp trong số những phương pháp mang tính kỹ thuật để phân định. Bên cạnh đó, Tòa án còn chỉ ra một số trường hợp riêng biệt mà khi áp dụng đường cách đều sẽ chẳng thể dẫn đến giải pháp công bằng như: sự lỗi lõm của bờ biển, sự hiện diện của đảo, bờ biển vuông góc hay sự tồn tại của các luồng hàng hải, v.v..

Thông qua phán quyết vụ Thêm lục địa biển Bắc, sự kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền ra biển được thừa nhận

như một phương pháp phân định thêm lục địa cho kết quả công bằng.

Để đạt được một giải pháp công bằng ít nhất cần thoả mãn hai yếu tố: thứ nhất là sự kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, thứ hai là không gây chồng lấn sang phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền của quốc gia khác. Như vậy, cần xác định rõ: đâu là sự kéo dài tự nhiên của đất liền ra biển và đâu là điểm kết thúc của phần kéo dài tự nhiên lục địa (ranh giới thêm lục địa của quốc gia ven biển). Đây là phương pháp phân định hoàn toàn mang tính kỹ thuật.

Tuy nhiên, Điều 76 của Công ước năm 1982 của Liên hợp quốc về Luật biển lại thừa nhận thêm lục địa không chỉ có danh nghĩa sự kéo dài tự nhiên mà còn có danh nghĩa pháp lý. Danh nghĩa pháp lý cho phép thêm lục địa của quốc gia ven biển kéo dài ra tới 200 hải lý không phụ thuộc vào yếu tố cấu tạo tự nhiên của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển. Khoảng cách trở thành yếu tố cơ bản để phân định pháp lý thêm lục địa.

Qua thực tiễn xét xử của Tòa án quốc tế, một số nguyên tắc công bằng và tiêu chuẩn công bằng đã ra đời. Đã có tới 5 tiêu chuẩn công bằng được Tòa án công lý quốc tế đưa ra năm 1984 trong vụ vịnh Maine⁽¹⁾. Một năm sau đó, Tòa lại

(¹) i) Đất thống trị biển; ii) Phân đều, trong trường hợp không có các hoàn cảnh đặc biệt, các vùng chồng lấn cả vùng biển và vùng đáy biển một cách tương ứng với bờ biển của các quốc gia láng giềng; iii) Không ngăn trở việc bờ biển của một quốc gia chiếu ra biển trên phần biển nằm gần với bờ biển của một trong các quốc gia hữu quan; iv) Cần thiết phải tránh hiệu lực cắt cụt sự chiếu ra biển của bờ biển hoặc một phần bờ biển của một trong các quốc gia hữu quan; v) Tính hữu ích rút

đưa ra 5 nguyên tắc công bằng trong vụ thêm lục địa Libi/ Malte năm 1984⁽²⁾. Tuy vậy, Toà lại chưa kết luận được đâu là nguyên tắc và tiêu chuẩn công bằng trong lĩnh vực phân định. Thật là không hợp lý nếu áp dụng các nguyên tắc và quy tắc công bằng trong phân định biển vào các vụ việc mà không xét đến tính đặc thù của vụ việc đó. Mỗi một khu vực phân định lại có hoàn cảnh hữu quan đặc thù đòi hỏi một giải pháp đặc thù. Để đạt được một giải pháp công bằng cần phải xem xét mỗi trường hợp phân định như một unicum [4] (đặc thù).

Vì vậy, trong lĩnh vực phân định biển, giải pháp công bằng cần được hiểu một cách đơn giản không phải là sự cân bằng, là sự chia đôi mà là sự xem xét và đặt lên bàn cân tất cả các hoàn cảnh hữu quan để tìm ra được một giải pháp mà các bên có thể chấp nhận, các bên có thể coi kết quả mà nó mang lại là công bằng [3, tr.277].

Nhìn chung, qua các phán quyết của Toà án quốc tế, bản án Trọng tài quốc tế,

ra, trong một số điều kiện, những hậu quả thích đáng của việc không công bằng có thể xảy ra trong việc mở rộng các bờ biển của hai quốc gia trong cùng một khu vực phân định.

⁽²⁾ i) Nguyên tắc không làm lại toàn bộ địa lý cũng như nắn lại các sự không bình đẳng của thiên nhiên; ii) Nguyên tắc không làm cản trở một bên trên sự kéo dài tự nhiên của bên khác mà sự kéo dài tự nhiên này chỉ là sự thể hiện tiêu cực quy tắc theo đó quốc gia ven biển có các quyền chủ quyền trên thêm lục địa tiếp giáp với bờ biển của nó trong tất cả mức độ mà luật quốc tế cho phép theo các hoàn cảnh hữu quan; iii) Nguyên tắc tôn trọng tất cả các hoàn cảnh hữu quan; iiiii) Nguyên tắc theo đó mặc dù các quốc gia đều bình đẳng về quyền và có thể yêu cầu có một sự đối xử ngang bằng, "công bằng không hàm ý nhất thiết phải ngang bằng" (Vụ thêm lục địa Biển Bắc, khoản 49, tr. 91) cũng như không chia đều cái mà tự nhiên đã làm cho không công bằng; iiiiii) Nguyên tắc không có vấn đề phân bổ pháp lý.

các thoả thuận phân định giữa các quốc gia, có thể thấy phần lớn các trường hợp phân định biển giữa hai quốc gia có bờ biển đối diện hay tiếp giáp nhau được tiến hành theo một số phương pháp cơ bản sau để đạt được kết quả công bằng:

Phương pháp đường trung tuyến: *"...Có lẽ nói một cách chính xác không có một phương pháp phân định nào lại kết hợp nhiều thế mạnh tiện lợi và chắc chắn trong áp dụng đến như vậy"* [5, Khoản 22, 23]. Xuất phát từ danh nghĩa khoảng cách, đường cách đều là phương pháp tự nhiên nhất bởi ngay từ đầu nó đã cho phép một sự phân chia ngang bằng. Các quốc gia thường sử dụng phương pháp này để tạo ra những con đường tạm thời để đàm phán.

Phương pháp đường trung tuyến có điều chỉnh: Đây là phương pháp trung tuyến có tính đến các hoàn cảnh đặc thù của khu vực biển phân định. Phương pháp này giảm bớt tính không công bằng do việc áp dụng phương pháp trung tuyến đơn thuần mang tính kỹ thuật ở các khu vực phân định có các hoàn cảnh đặc biệt, nhất là về mặt địa lý.

Giải pháp tạm thời [2, Điều 74, 83 khoản 3]: Công ước Luật biển năm 1982 đã không nói rõ các loại dàn xếp tạm thời nào. Tuy nhiên, qua thực tiễn phân định biển quốc tế cho thấy, việc thành lập các vùng thăm dò khai thác chung (Joint Development) là phổ biến hơn cả. Có thể tìm thấy các mô hình về dàn xếp tạm thời trong một số trường hợp như: Thoả thuận 22/2/1958 giữa Baren và Ả-rập Xê-út; Thoả thuận Pháp - Tây Ban Nha

29/1/1974, Thoả thuận Malaysia và Thái Lan trong Vịnh Thái Lan 21/2/1979... Việt Nam cũng đã có hai Điều ước quốc tế về khai thác chung, đó là Thoả thuận về khai thác chung vùng chồng lấn trong Vịnh Thái Lan giữa Việt Nam và Malaysia ngày 5/6/1992 (Việt Nam và Malaysia đã ký kết thoả thuận thương mại giữa Petrovietnam và Petronas ngày 9/7/1992 triển khai công việc thăm dò và khai thác chung trong vùng chồng lấn giữa hai nước) và Hiệp định hợp tác nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt Nam - Trung Quốc ngày 25/12/2000.

Các phương pháp khác: *Phương pháp phân kéo dài tự nhiên của biên giới trên bộ* (đến nay mới chỉ có 3 trường hợp thoả thuận phân định có áp dụng phương pháp này là Thoả thuận 21/6/1972 giữa Brazil và Uruguay; Thoả thuận 4/6/1974 giữa Gambia và Sénégal; Thoả thuận 23/8/1975 giữa Colombia và Equado); *Phương pháp đường vuông góc đối với hướng đi chung của bờ biển* (phân định thêm lục địa giữa Gine và Gine Bissau); *Phương pháp đường kinh tuyến và vĩ tuyến* (Tuyên bố Santiago ngày 18/8/1952 giữa Chile, Peru và Equado; Hiệp định 23/8/1975 giữa Colombia và Peru; Hiệp định 17/6/1980 giữa Pháp và Venezuela...)

Mỗi phương pháp đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng của nó, các quốc gia khi giải quyết việc phân định biển có thể lựa chọn cho mình giải pháp tối ưu dựa trên hoàn cảnh riêng biệt của từng vụ việc.

2. Các hoàn cảnh hữu quan ảnh hưởng tới phân định biển

Các hoàn cảnh hữu quan có vai trò rất quan trọng trong phân định biển. Việc đánh giá khách quan và đầy đủ các hoàn cảnh hữu quan trong khu vực phân định là điều kiện thiết yếu để đạt được giải pháp công bằng trong phân định biển. Mỗi một trường hợp phân định là một hoàn cảnh đặc thù, không giống với các trường hợp khác và đòi hỏi phải có một giải pháp đặc thù. Đáng tiếc là cả Công ước Giơnevơ năm 1958 về Thêm lục địa và Công ước năm 1982 về Luật biển của Liên hợp quốc đều chưa đưa ra được định nghĩa về các hoàn cảnh hữu quan. Hệ quả là danh sách các hoàn cảnh hữu quan của Toà án và Trọng tài quốc tế lập ra cứ dài ra mãi tương chừng không chấm dứt. Đó là: Yếu tố hiện diện một vùng mở duy nhất nằm trong khu vực được phân định; các yếu tố địa lý, địa mạo; yếu tố hình dạng bờ biển nhất là sự lồi lõm của bờ biển; yếu tố về địa lý vĩ mô; yếu tố tính tỷ lệ bờ biển trong khu vực phân định; yếu tố các đảo; yếu tố tỷ lệ chiều dài bờ biển - diện tích vùng biển; sự thay đổi xu thế của bờ biển; điểm mút của biên giới đất liền; sự hiện diện của các đường *facto* tồn tại trên thực tế, các đường đặc nhượng hay đường cấp phép; thái độ của các bên hữu quan; yếu tố định vị các nguồn tài nguyên hay cấu trúc; yếu tố quốc gia bất lợi về mặt địa lý; yếu tố kinh tế; yếu tố truyền thống đánh cá; sự phân định hiện tại hay trong tương lai trong khu vực hoặc quyền lợi của các quốc gia láng giềng; yếu tố chính

trị; yếu tố an ninh; giao thông hàng hải; yếu tố văn hoá; các quyền lợi hợp thức...

Các hoàn cảnh đặc biệt ở trong các vụ phân định biển khác nhau thì ảnh hưởng của chúng tới kết quả từng cuộc phân định cũng khác nhau. Do đó, có tình huống cùng là một yếu tố được xếp trong danh sách trên trong cuộc phân định này được xét là hoàn cảnh đặc biệt, trong cuộc phân định khác thì không. Vậy hiểu như thế nào là “hoàn cảnh đặc biệt” trong phân định biển?

Nhìn chung, một hoàn cảnh nào đó để được xem là một hoàn cảnh đặc biệt khi nó ít nhiều có ảnh hưởng đến việc xác định ranh giới trong phân định biển. Hơn thế nữa, hoàn cảnh được xem xét đó phải gắn với mục đích đạt được đó là kết quả công bằng.

Thông qua thực tiễn phân định biển giữa các quốc gia, nhiều yếu tố mà Toà án và Trọng tài quốc tế coi là hoàn cảnh đặc biệt đã bị loại bỏ. Yếu tố kinh tế là một ví dụ. Sự phân định không thể bị ảnh hưởng bởi tình trạng kinh tế giữa hai quốc gia hữu quan. Trong việc phân định thêm lục địa, một quốc gia hữu quan không thể viện vào lý do kém giàu hơn của mình để đòi hỏi phân thêm lục địa nhỉnh hơn phần mình đáng được có. Yếu tố kinh tế, hơn nữa, mang tính chất không ổn định và ngoại lai. Tất cả phán quyết của các bản án đều đi đến một kết luận các đặc trưng địa lý là trọng điểm của quá trình phân định. Các yếu tố như hình dạng bờ biển, sự hiện diện của đảo, tính tỷ lệ là ba yếu tố địa lý xuất hiện trong hầu hết các trường hợp phân định.

2.1. Hình dạng bờ biển

Một bờ biển có hình dạng phức tạp sẽ gây ít nhiều trở ngại cho việc phân định biển. Tính phức tạp của bờ biển có thể thể hiện ở những dạng như: bờ biển có tính lồi lõm, hướng chung của bờ biển bị thay đổi đột ngột, địa hình không đồng đều...

Có thể thấy được hình dạng bờ biển phức tạp ảnh hưởng như thế nào tới việc phân định biển thông qua một số thực tiễn phân định biển như:

Vụ thêm lục địa Biển Bắc năm 1969: Trong ba quốc gia liên quan đến việc phân định này (Cộng hoà liên bang Đức, Đan Mạch, Hà Lan), Cộng hoà liên bang Đức là nước có bờ biển lõm. Nếu áp dụng phương pháp đường cách đều thì bờ biển lõm này sẽ tạo cho Đức một thiệt thòi bởi nó đã cắt giảm đáng kể phần thêm lục địa tỷ lệ với chiều dài bờ biển mà nước này xứng đáng được hưởng. Rõ ràng là "Khi hai đường cách đều được vạch từ một bờ biển lõm chúng nhất định sẽ gặp nhau ở một khoảng cách gần bờ". Nói một cách khác, nếu không xem xét tới yếu tố bờ biển lõm của Đức thì kết quả phân định chắc chắn sẽ không công bằng. Để có kết quả công bằng, Toà công lý quốc tế đã bác bỏ việc áp dụng phương pháp đường cách đều trong vụ phân định này.

Vụ thêm lục địa Tunidi - Libi năm 1982: Bờ biển của Tunidi có đặc điểm bất thường là hướng di chung của nó bị thay đổi đột ngột: xuất phát từ biên giới giữa hai nước, bờ biển của Tunidi chạy theo hướng Tây Bắc cho đến điểm lõm sâu

nhất vào bờ của vịnh Gabes thì nó đột ngột chuyển theo hướng Đông Bắc, hướng gần như vuông góc với hướng đi ban đầu. Hình dạng bờ biển như vậy dẫn đến đường phân định thêm lục địa giữa hai quốc gia bao gồm hai phân đoạn khác hẳn nhau. Chúng thay đổi để phù hợp với sự thay đổi hướng đi chung của đường bờ biển Tunidi.

Nhiều quốc gia đã dựa vào hình dạng bờ biển bất thường như tính lồi, lõm, khúc khuỷu, các cửa sông, chuỗi đảo gần bờ... để hoạch định các đường cơ sở thẳng để tính chiều rộng lãnh hải.

Tóm lại, hình dạng của bờ biển có ảnh hưởng không nhỏ tới việc chọn lựa phương pháp phân định biển. Dựa vào hình dạng và hướng đi của bờ biển mà người ta có thể mở rộng quyền tài phán trên biển của quốc gia.

2.2. Sự hiện diện của đảo

Phân định biển sẽ phức tạp hơn nhiều nếu có sự hiện diện của các đảo trong khu vực tranh chấp, vì các đảo có vai trò rất quan trọng đối với việc phân định biển. Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc đã có quy định về chế độ các đảo. Theo Điều 121, khoản 2 thì một đảo theo đúng định nghĩa của Công ước 1982 này (vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước) có quyền có lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền về kinh tế và thêm lục địa tương tự như các lãnh thổ đất liền khác. Khoản 3 của Điều 121 lại loại trừ việc hoạch định vùng đặc quyền về kinh tế và thêm lục địa đối với những đảo nào không thích hợp cho con

người đến ở hoặc cho một đời sống kinh tế riêng.

"... Mọi sự phân định đều chứa đựng những sự xâm lấn tương hỗ để sao cho mỗi phân đoạn bờ biển có được một phần thêm lục địa của riêng mình. Về mặt quan điểm pháp lý không có một sự khác nhau nào giữa lãnh thổ đất liền và lãnh thổ đảo. Trong cả hai trường hợp bao giờ cũng có chủ quyền, danh nghĩa chủ yếu cho phép mở rộng các quyền chủ quyền ra các vùng biển. Vì vậy, chúng phải được đối xử ngang nhau" [6, tr.287]. Quan điểm này hoàn toàn phù hợp với tinh thần của Điều 121 Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc. Hiện đang và sẽ có nhiều quốc gia trên thế giới ủng hộ quan điểm pháp lý này, nhất là các quốc đảo nhỏ như Manta hay Puetorico.

Thông thường, trong từng trường hợp cụ thể, các bên hữu quan trong phân định biển dựa trên các yếu tố liên quan đến đảo như kích thước, vị trí, ý nghĩa kinh tế, chính trị mà thoả thuận với nhau về hiệu lực của đảo: không có hiệu lực, có hiệu lực một phần nào đó hay có hiệu lực toàn phần. Thực tế cho thấy việc thoả thuận về hiệu lực của đảo trong phân định biển luôn là vấn đề gay go, phức tạp.

Có thể tính hiệu lực của đảo trong phân định theo hai phương thức: Hiệu lực của đảo tác động trực tiếp đến việc hoạch định đường ranh giới và phương pháp vòng cung đảo. Phương pháp đầu được sử dụng phổ biến hơn trong thực tiễn phân định biển.

a. Không có hiệu lực

Các đảo nhỏ thường không nhận được phần hiệu lực nào. Điều đó đồng nghĩa với việc chúng không được dùng làm điểm cơ sở để vạch đường cách đều. Trong thực tiễn phân định biển giữa các quốc gia cũng như trong các phán quyết của Tòa án hay Trọng tài quốc tế, số lượng các đảo bị bỏ qua không tính đến hiệu lực khá nhiều.

Có thể kể đến một số trường hợp đảo không có hiệu lực dựa trên sự thoả thuận của các bên hữu quan như: các đảo nhỏ của Iran và Qatar (Hiệp định ký giữa Iran và Qatar ngày 20/9/1969); các đảo nhỏ như Fokûr, Bani Fokûr, Bani Tamb, Tamb-e-Bozorg (Hiệp định ký giữa Iran và các tiểu vương quốc Ảrập thống nhất vào tháng 8 năm 1974). Mặc dù một số đảo có được vùng lãnh hải riêng, song cũng không được tính hiệu lực, ví dụ như: đảo Farsi của Iran, đảo Al Arabiya của Ảrập Xêút có lãnh hải 12 hải lý (theo Hiệp định 24/10/1968 Iran - Ảrập Xêút); đảo Sirri của Iran có lãnh hải 12 hải lý (theo Hiệp định 31/8/1974 Iran - các tiểu vương quốc Ảrập thống nhất); hai đảo nhỏ của Liên xô (cũ) (Nghị định thư giữa Liên Xô (cũ) và Na Uy ngày 29/11/1957).

Các quyết định của Tòa án và Trọng tài quốc tế cũng thường bỏ qua các đảo nhỏ: đảo Abu Musa không có hiệu lực đối với đường phân định (Vụ phân định biên giới trên bộ và trên biển giữa Dubai-Sharjah năm 1981); đảo Djerba cũng không có hiệu lực (Vụ thêm lục địa giữa Libi-Tunidi năm 1982); cụm đảo nhỏ không có người ở Filjla không cấu trúc

nên đường phân định tạm thời (Vụ thêm lục địa Libi - Malta năm 1985);

b. Có hiệu lực một phần

Tuỳ theo từng trường hợp cụ thể mà các quốc gia hữu quan thoả thuận cho một đảo (hoặc nhóm đảo) trong vùng phân định được hưởng một phần hiệu lực. Phần hiệu lực này có thể bằng một nửa, một phần ba hay số phần bất kỳ nào đó so với hiệu lực toàn phần. Sự tồn tại của đảo hưởng một phần hiệu lực nhất định là kết quả của việc thương lượng giữa các quốc gia liên quan.

Trong rất nhiều trường hợp phân định, các đảo được hưởng hiệu lực một phần: đảo Kharg của Iran hưởng hiệu lực 1/2 trong phân định thêm lục địa (theo Hiệp định năm 1968 giữa Iran và Ảrập Xêút); các đảo Sorlingue hưởng 1/2 hiệu lực (Vụ thêm lục địa giữa Pháp và Vương quốc Anh năm 1977); các đảo Natura hưởng hiệu lực 56% đến 86% phụ thuộc vào khoảng cách tới bờ (Hiệp định giữa Indonesia và Malaysia năm 1969); đảo Thổ Chu (Việt Nam) hưởng 32,5% hiệu lực (Hiệp định phân định biển Việt Nam - Thái Lan 9/8/1997), đảo Côn Cỏ hưởng 50% hiệu lực, đảo Bạch Long Vĩ (Việt Nam) hưởng 25% hiệu lực (Hiệp định phân định Lãnh hải, đặc quyền kinh tế và Thêm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ Việt Nam - Trung Quốc ngày 25/12/2000)

c. Hiệu lực toàn phần

Nếu như các đảo nhỏ hay bị bỏ qua trong phân định thì các đảo lớn thường được hưởng hiệu lực toàn phần. Các đảo

hưởng hiệu lực toàn phần trong phân định thường là các đảo có đủ điều kiện để xác lập một vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa riêng. Vị trí của đảo cũng rất quan trọng. Các đảo nằm sát bờ, cách bờ một khoảng cách từ 12 đến 24 hải lý và không nằm quá sang phía bên kia đường trung tuyến giữa hai bờ thường được tính toàn bộ hiệu lực trong phân định do được người ta coi như một phần của đất liền. (Đảo Cồn Cỏ của Việt Nam cách bờ biển Việt Nam 13 Hải lý nhưng chỉ được tính 50% hiệu lực?!). Trong khi đó đảo Hải Nam của Trung Quốc được coi như đất liền trong phân định. Ngoài ra, phần Vịnh phía Việt Nam có khoảng 2.300 đảo ven bờ, đặc biệt có đảo Bạch Long Vĩ nằm cách đất liền của Việt Nam khoảng 110 km, cách đảo Hải Nam (Trung Quốc) khoảng 130 km. Phía Trung Quốc chỉ có một số ít đảo nhỏ ở phía Đông Bắc Vịnh như đảo Vị Châu, Tà Dương.

2.3. Tính tỷ lệ

Yếu tố tỷ lệ là một trong các yếu tố địa lý cần được tính đến để tìm ra phương pháp phân định thích hợp dẫn đến kết quả công bằng. Yếu tố tỷ lệ được đưa ra lần đầu tiên trong phán quyết thềm lục địa Biển Bắc năm 1969 của Toà án công lý quốc tế:

"Yếu tố cuối cùng cần phải xem xét là tỷ lệ hợp lý giữa diện tích của thềm lục địa thuộc các quốc gia có liên quan và chiều dài bờ biển của các nước ấy mà một sự phân định ranh giới được thực hiện theo các nguyên tắc công bằng".

Trong phân định biển, yếu tố tỷ lệ được sử dụng nhằm hai mục tiêu. Một mặt, nó là yếu tố cần phải tính đến và kết hợp với các yếu tố khác nhằm tìm ra phương thức phân định tạo hiệu quả công bằng. Mặt khác, tỷ lệ như một thước đo mang tính kỹ thuật thực hiện chức năng kiểm chứng đường phân định vạch ra là công bằng. Nói cách khác, tỷ lệ là yếu tố sử dụng để kiểm tra lại kết quả phân định biển.

Một kết quả phân định công bằng thường được biểu hiện ở sự hợp lý về mặt tỷ lệ. Đó có thể là sự phù hợp về tỷ lệ giữa chiều dài bờ biển tương ứng của hai quốc gia có liên quan với phần diện tích các vùng thềm lục địa được chia (như trong vụ thềm lục địa Tuynisi và Li bi năm 1982: tỷ lệ chiều dài bờ biển 69:31 hay 66:34 hoàn toàn phù hợp với tỷ lệ diện tích thềm lục địa 60:40) hay tỷ lệ hợp lý giữa chiều dài bề mặt bờ biển của hai nước hữu quan với diện tích thềm lục địa họ nhận được sau khi phân định (như trong vụ thềm lục địa Vịnh Maine năm 1984 giữa Mỹ và Canada: tỷ lệ chiều dài bề mặt bờ biển 1,38:1 khá cân đối so với tỷ lệ diện tích thềm lục địa 1,32:1).

Tuy nhiên, việc phân định biển với một tỷ lệ hợp lý chưa chắc đã là một kết quả công bằng. Trường hợp phân định ranh giới biển giữa Đan Mạch và Na Uy năm 1993 là một ví dụ điển hình. Tỷ lệ giữa chiều dài bờ biển và diện tích các vùng biển của hai nước cho thấy sự mất cân đối song vẫn chấp nhận được do kết

quả phân định biển ấy phù hợp với nguyên tắc công bằng.

Theo Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ Việt Nam - Trung Quốc ngày 25/12/2000, phía Việt Nam được hưởng 67.203 km² (chiếm 53,23% diện tích Vịnh), phía Trung Quốc được hưởng 59.047 km² (chiếm 46,77% diện tích Vịnh), Việt Nam hơn Trung Quốc khoảng 8.156 km² biển. Lấy chiều dài bờ biển phía Việt Nam 763 km chia cho chiều dài bờ biển phía Trung Quốc 695 km ta được tỷ lệ là 1,1 : 1. Lấy diện tích Việt Nam được hưởng 67.203 km² chia cho diện tích Trung Quốc được hưởng 59.047 km² ta được tỷ lệ là 1,135 : 1. Cũng cần phải lưu ý rằng, ngoài những ưu thế nhiều mặt, bờ biển của Việt Nam là bờ biển mang tính chất lục địa; các ngư trường chính nằm gần bờ biển Việt Nam vì 75% lưu lượng nước chảy từ các dòng sông ở bờ Tây thuộc Việt Nam đổ vào Vịnh, trong đó sông Hồng chiếm tới 68% lưu lượng nước, mang theo nguồn phù sa lắng đọng và nguồn thức ăn dồi dào cho các loài sinh vật biển...)

Sự công bằng giữa các quốc gia hữu quan trong phân định biển không phải là sự bằng nhau về mặt toán học mà là sự công bằng về pháp lý. Mặc dù là một yếu tố cần phải tính đến trong phân định, song tỷ lệ không thể giữ vai trò quyết định trong việc thực hiện sự phân định công bằng. Tỷ lệ cần kết hợp với các yếu tố khác để tìm ra phương pháp phân định thích hợp cho mỗi trường hợp đặc thù.

3. Kết luận

Vấn đề phân định biển là một vấn đề hết sức hệ trọng, liên quan đến chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ. Việc phân định biển giữa các nước cần phải dựa trên nguyên tắc thoả thuận và *nguyên tắc công bằng đích thực*, có cơ sở luật pháp và thực tiễn quốc tế, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh khách quan của từng khu vực, đáp ứng một cách hợp lý lợi ích chính đáng của mỗi bên. Nếu không, việc phân định biển sẽ dẫn đến hậu quả khôn lường: dâng hiến lãnh thổ quốc gia, tài nguyên thiên nhiên của đất nước cho nước ngoài một cách hợp pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Điều 6 Công ước Gionevơ về thêm lục địa năm 1958.*
2. *Công ước 1982 của Liên hợp quốc về Luật biển.*
3. Nguyễn Hồng Thao, *Những điều cần biết về luật biển*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1997.
4. *Phán quyết của Tòa án công lý quốc tế trong vụ phân định biên giới biển trong vịnh Maine năm 1984.*
5. *Tuyển tập các phán quyết, quyết định, các ý kiến tư vấn của Tòa ICJ*, 1969.
6. *Vụ thêm lục địa Biển Bắc năm 1969, Tuyển tập các phán quyết, quyết định, các ý kiến tư vấn của Tòa ICJ 1969.*
7. *Vụ thêm lục địa Vịnh Maine năm 1984, Tuyển tập các phán quyết, quyết định, các ý kiến tư vấn của Tòa ICJ.*

MARITIME BOUNDARY DELIMITATION ISSUE IN THE MODERN INTERNATIONAL LAW OF THE SEA

Assoc. Prof. Dr. Nguyen Ba Dien

Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi.

Maritime boundary delimitation issue is a focus of modern international marine law. Understanding and applying the principles of maritime boundary delimitation are very important for sovereignty protecting and international cooperation promoting. This article will mention basic principles of modern international law of the sea that concern maritime boundary delimitation: discussible principle and principle of justice. Also, the author provides some appreciations and suggestions that relate to maritime boundary delimitation of Vietnam.